

Bản án số: 114/2025/DS-PT

Ngày: 19-3-2025

V/v Tranh chấp liên quan đến tài sản
để thi hành án dân sự.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Bà Đinh Cẩm Đào

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nguyên, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 534/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp liên quan đến tài sản để thi hành án dân sự”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 332/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Trọng H; Sinh năm: 1987; Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- **Bị đơn:**

1. Ông Dương Thành Đ; Sinh năm: 1968 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị C, Sinh năm: 1970 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp N, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3. Chị Dương Như N; Sinh năm: 1992; Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; Nơi ở hiện nay: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Dương Trường H1; Sinh năm: 2005; Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Trọng N1; Sinh năm: 1987; Địa chỉ cư trú: Đường A, khóm D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Ông Dương Thành Đ (là bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xét xử sơ thẩm, vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng ông Dương Thành Đ, bà Nguyễn Thị C là người phải thi hành án đối với các Quyết định của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi có hiệu lực pháp luật, cụ thể ông Dương Thành Đ, bà Nguyễn Thị C phải trả cho ông Trần Ngọc B số tiền 48.000.000 đồng theo Quyết định số 191/2023/QĐST-DS ngày 12/6/2023; trả cho bà Trần Mỹ L số tiền 38.000.000 đồng tại Quyết định số 192/2023/QĐST-DS ngày 12/6/2023; trả cho bà Trần Thị T số tiền 10.000.000 đồng tại Quyết định số 210/2023/QĐST-DS ngày 22/6/2023; trả cho bà Trần Thị Thúy N2 số tiền 35.000.000 đồng tại Quyết định số 211/2023/QĐST-DS ngày 22/6/2023; trả cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền 30.000.000 đồng tại Quyết định số 213/2023/QĐST-DS ngày 22/6/2023; trả cho ông Nguyễn Chí C1 số tiền 60.000.000 đồng tại Quyết định số 214/2023/QĐST-DS ngày 22/6/2023; trả cho bà Đoàn Thị N3 số tiền 47.000.000 đồng tại Quyết định số 220/2023/QĐST-DS ngày 28/6/2023; trả cho bà Trần Thị N4 số tiền 23.000.000 đồng tại Quyết định số 221/2023/QĐST-DS ngày 28/6/2023; trả cho ông Huỳnh Văn T2 số tiền 12.000.000 đồng tại Quyết định số 239/2023/QĐST-DS ngày 12/7/2023. Các Quyết định trên của Tòa án đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi tổ chức thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự, vợ chồng ông Dương Thành Đ, bà Nguyễn Thị C không tự nguyện thi hành án theo quy định của pháp luật. Ngày 15/7/2023, vợ chồng ông Dương Thành Đ, bà Nguyễn Thị Chính xác L1 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho chị Dương Như N (là con của ông Dương Thành Đ, bà Nguyễn Thị C), hợp đồng được lập và Công chứng tại Văn phòng Công chứng Đất Mũi.

Ông Nguyễn Trọng H (là Chấp hành viên thuộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi) khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 15/7/2023 giữa ông Dương Thành Đ, bà Nguyễn Thị C với chị Dương Như N phần đất tặng cho theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 150686, diện tích 17.682,2m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 150685, diện tích 2.286,8m² cấp ngày 08/12/2022, tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Chị Dương Như N cho rằng trước đây chị có đưa cho cha mẹ chị là ông Dương Thành Đ, bà Nguyễn Thị C số tiền 800.000 đồng để trả nợ, đưa nhiều lần và không nhớ rõ thời gian. Đối với phần đất thì trong thời gian chị chung sống với chồng (chồng trước) thì cha mẹ đã cho chị 04 công, khi chị có chồng lần thứ hai thì cha mẹ chị đã lập thủ tục tặng cho chị toàn bộ hai phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 150686 diện tích 17.682,2m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 150685 diện tích 2.286,8m² để chị giữ đất sau này chia lại cho các em trong gia đình. Nay chị không thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng H.

Ông Dương Thành Đ, bà Nguyễn Thị C thống nhất ý kiến và yêu cầu của chị Dương Như N.

Ông Nguyễn Trọng N1 xác định là vợ chồng ông Dương Thành Đ vay tiền của ông nhiều lần, tổng số tiền là 300.000.000 đồng và có giao cho ông các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 150685 và số DI 150686 để làm tin. Nay ông

Nguyễn Trọng H khởi kiện yêu cầu hợp đồng tặng cho giữa vợ chồng ông Dương Thành Đ với chị Dương Như N thì ông không có ý kiến, nếu có tranh chấp thì ông sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 332/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng H. Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Dương Thành Đ, bà Nguyễn Thị C với chị Dương Như N được lập vào ngày 15/7/2023 đối với phần đất diện tích 17.682,2m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 150686 và phần đất diện tích 2.286,8m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 150685 là vô hiệu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25/10/2024, ông Dương Thành Đ kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm vì ông cho rằng vợ chồng ông tặng cho quyền sử dụng đất cho con là chị Dương Như N được xác lập bằng hợp đồng và được công chứng đúng quy định, còn việc vợ chồng ông vẫn ở trên đất cũng chỉ là ở nhờ và quản lý phần đất giùm cho chị Dương Như N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Dương Thành Đ giữ y việc kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị căn cứ khoản 4 Điều 308; Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 332/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của ông Dương Thành Đ được thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về quan hệ pháp luật cho thấy, vợ chồng ông Dương Thành Đ, bà Nguyễn Thị C là người có nghĩa vụ thi hành án đối với các quyết định của Tòa án đã có hiệu lực. Tuy nhiên, vợ chồng ông Dương Thành Đ, bà Nguyễn Thị C không tự nguyện thi hành án mà lại lập thủ tục tặng cho tài sản là hai phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 150686 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 150685 cho chị Dương Như N. Sau khi tặng cho quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông Dương Thành Đ, bà Nguyễn Thị C không còn tài sản để thi hành án. Từ đó, ông Nguyễn Trọng H là Chấp hành viên – Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho tài sản giữa vợ chồng ông Dương Thành Đ, bà Nguyễn Thị C với chị Dương Như N. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án tranh chấp dân sự và xác định quan hệ pháp luật về “Tranh chấp liên quan đến tài sản để thi hành án dân sự” theo quy định tại khoản 12 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 75 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuy nhiên, trong vụ việc trên thì giữa vợ chồng ông Dương Thành Đ, bà Nguyễn Thị C với chị Dương Như N hoàn toàn không có tranh chấp về tài sản

cũng như không có tranh chấp tài sản với ông Nguyễn Trọng H và kể cả những người được thi hành án nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý “vụ án” về việc “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự” theo quy định tại khoản 12 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 75 của Luật Thi hành án dân sự là không đúng quy định của pháp luật.

Theo diễn biến vụ việc thì tài sản liên quan đến thi hành án được vợ chồng ông Dương Thành Đ, bà Nguyễn Thị C lập hợp đồng tặng cho chị Dương Như N nên những người được thi hành án; Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch tặng cho tài sản giữa vợ chồng ông Dương Thành Đ, bà Nguyễn Thị C với chị Dương Như N là vô hiệu và vụ việc trên phải được xác định là “việc dân sự” theo yêu cầu của những người được thi hành án hoặc là Chấp hành viên Thi hành án dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 75 của Luật Thi hành án dân sự; khoản 9 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về trình tự, thủ tục; tư cách tham gia tố tụng và người tham gia tố tụng cho thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 75 của Luật Thi hành án dân sự “*Trường hợp có căn cứ xác định giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án để yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó. Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu thì Chấp hành viên yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó*”. Quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên đã thông báo cho ông Trần Ngọc B, bà Trần Mỹ L, bà Trần Thị T, bà Trần Thị Thúy N2, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Chí C1, bà Đoàn Thị N3, bà Trần Thị N4, ông Huỳnh Văn T2 biết để những người được thi hành án yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch tặng cho đất giữa vợ chồng ông Dương Thành Đ với chị Dương Như N vô hiệu là đúng quy định. Tuy nhiên, sau khi thông báo thì Chấp hành viên chưa xác định được những người được thi hành án có yêu cầu hay không yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch tặng cho tài sản nêu trên bị vô hiệu, lý do vì sau không yêu cầu để làm căn cứ, điều kiện cho Chấp hành viên thực hiện việc yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 75 của Luật thi hành án dân sự. Trong khi Chấp hành viên chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục luật định; chưa xác định được người được thi hành án có yêu cầu hay không yêu cầu thì Chấp hành viên đã thực hiện việc khởi kiện đến Tòa án với tư cách cá nhân là nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng tặng cho tài sản giữa vợ chồng ông Dương Thành Đ với chị Dương Như N là chưa đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật có liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ án và đưa ra xét xử sơ thẩm với việc xác định cá nhân ông Nguyễn Trọng H là nguyên đơn là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 75 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, ông Trần Ngọc B; bà Trần Mỹ L; bà Trần Thị T; bà Trần Thị Thúy N2; ông Nguyễn Văn T1; ông Nguyễn Chí C1; bà Đoàn Thị N3; bà Trần Thị N4; ông Huỳnh Văn T2 là những người được thi hành án và cũng là những người có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm

quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đối với tài sản để thi hành án theo quy định của pháp luật nhưng Tòa án cấp sơ thẩm còn không đưa những người được thi hành án vào tham gia tố tụng là thiếu sót.

[4] Từ những căn cứ trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc xác định loại vụ việc; chưa xem xét quyền khởi kiện và điều kiện để khởi kiện hoặc yêu cầu; thực hiện sai trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ việc; xác định sai tư cách người tham gia tố tụng và thiếu người người tham gia tố tụng khi giải quyết vụ việc. Từ đó, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 332/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi và đình chỉ giải quyết vụ án.

Do hủy án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án nên không xem xét nội dung kháng cáo của ông Dương Thành Đ.

[5] Tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được công nhận.

[6] Đối với chi phí chi phí thẩm định giá là 29.160.000 đồng do ông Nguyễn Trọng H dự nộp và thanh toán xong, nay ông Nguyễn Trọng H tự chịu chi phí thẩm định giá theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Ông Dương Thành Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 308; Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 332/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau và Đình chỉ giải quyết vụ án.

- Ông Nguyễn Trọng H tự chịu chi phí thẩm định giá bằng 29.160.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm các đương sự không phải chịu.

- Ông Dương Thành Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H2 lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông Dương Thành Đ là 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0002022 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương